

HÌNH THÀNH ĐỘNG CƠ TỰ HỌC CHO SINH VIÊN TRONG QUÁ TRÌNH HỌC TẬP CÁC HỌC PHẦN TÂM LÝ - GIÁO DỤC Ở TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM BẮC NINH

ĐÀO LAN HƯƠNG*

Ngày nhận bài: 10/09/2017; ngày sửa chữa: 13/09/2017; ngày duyệt đăng: 18/09/2017.

Abstract: *One of urgent issues to improve the quality of teaching and teaching method innovation at universities is to shape self-directed learning ability for students. This article aims to provide some solutions to develop self-learning ability for students through the formation of self-learning motivation in teaching educational psychology-education modules at Bac Ninh Teacher Training College such as forming self-study purposes and self-interest, etc.*

Keywords: *Self-directed learning ability, self-learning motivation, students.*

1. Đặt vấn đề

Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2011-2020 ban hành kèm theo Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ chỉ rõ: "Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập, rèn luyện theo hướng phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo và năng lực tự học (NLTH) của người học"; *Nghị quyết Trung ương V khóa 8* cũng nêu rõ: "Tập trung nâng cao chất lượng dạy và học, tạo ra NLTH, tự sáng tạo của học sinh (HS), bảo đảm mọi điều kiện và thời gian tự học (TH) cho HS, phát triển mạnh mẽ phong trào TH, tự đào tạo thường xuyên và rộng khắp trong toàn dân". Như vậy, trong giai đoạn hiện nay, để đáp ứng được xu thế phát triển và yêu cầu nhân lực của xã hội thì việc đổi mới phương pháp dạy học phải song song với việc phát huy NLTH, tự sáng tạo ở người học. Việc hình thành NLTH không chỉ ở cao đẳng, đại học mà phải được hình thành trong suốt quá trình dạy học từ phổ thông đến đại học. Tuy nhiên, thực trạng dạy học tại một số trường cao đẳng, đại học trong những năm qua cho thấy: sinh viên (SV) còn khá "thụ động" trong việc lĩnh hội kiến thức, còn ỷ lại vào sự "may mắn" trong học tập, chưa có ý thức và phương pháp TH, tự nghiên cứu hiệu quả. Nguyên nhân cơ bản của thực trạng này là: - Động cơ học tập của SV chưa rõ ràng; - Còn quen với cách học cũ ở trường phổ thông; - Trong quá trình dạy học, giảng viên (GV) mới chỉ chú trọng đến dạy kiến thức mà chưa chú trọng nhiều đến vấn đề rèn luyện kỹ năng (KN) cho SV; - Do môi trường sống tự lập nên SV dễ bị cuốn hút bởi những thứ mới lạ xung quanh mình (ví dụ chơi game, vui chơi cùng bạn bè, tình yêu nam nữ...) mà xao nhãng việc học tập. Do đó,

việc phát huy NLTH ở SV thông qua quá trình dạy học là một việc làm cấp bách và cần thiết.

2. Xác định động cơ học tập và việc phát huy NLTH ở SV

"NLTH được hiểu là một thuộc tính KN rất phức tạp. Bao gồm KN và kỹ xảo cần gắn bó với động cơ và thói quen tương ứng, làm cho người học có thể đáp ứng được những yêu cầu mà công việc đặt ra" [1; tr 87]. NLTH là sự bao hàm cả cách học, KN học và nội dung học: "NLTH là sự tích hợp tổng thể cách học và KN tác động đến nội dung trong hàng loạt tình huống - vấn đề khác nhau" [1; tr 88]. Như vậy có thể hiểu NLTH là những thuộc tính tâm lý mà nhờ đó chúng ta giải quyết được các vấn đề đặt ra một cách hiệu quả nhất, nhằm biến kiến thức của nhân loại thành sở hữu của riêng mình.

Hoạt động TH cũng tương đồng như các hoạt động khác, được thúc đẩy bởi hệ thống động cơ học tập nói chung và động cơ TH nói riêng. Động cơ được hiểu là động lực kích thích trực tiếp, là nguyên nhân trực tiếp của hành vi. Mọi hoạt động của con người đều là hoạt động có mục đích, được thúc đẩy bởi động cơ của hoạt động đó. Vì vậy, có thể hiểu động cơ TH chính là động lực trực tiếp thúc đẩy người học tiến hành quá trình hoạt động để biến tri thức của nhân loại thành kiến thức của mình. Động cơ TH cũng có nhiều cấp độ khác nhau, bắt đầu từ sự thỏa mãn nhu cầu phải hoàn thành nhiệm vụ TH, tự khẳng định mình, mong muốn thành công trong nghề nghiệp tương lai... cho đến cấp độ cao hơn là thỏa mãn nhu cầu hiểu biết, khát vọng vươn tới chiếm lĩnh những đỉnh cao tri thức.

Động cơ TH không phải là "cái có sẵn", không thể áp đặt từ bên ngoài mà phải dần được hình thành

* Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh

trong quá trình học tập và đi sâu chiếm lĩnh đối tượng học tập dưới sự tổ chức điều khiển của GV. Học phần Tâm lí - Giáo dục là những môn học được đưa vào giảng dạy cho SV năm thứ nhất. Đây là những môn học mới so với những môn học mà các em được học tại trường phổ thông. Vì vậy, để giúp SV yêu thích môn học và có được NLTH hiệu quả, thì ngay từ lúc đầu trong quá trình dạy học, GV phải giúp SV hình thành được động cơ TH. Để làm được điều đó, trong quá trình dạy học, GV phải hướng dẫn SV xác định mục đích TH, tạo hứng thú TH và hình thành ý chí TH cho SV.

3. Đề xuất các biện pháp giúp SV ngành Cao đẳng Sư phạm Mầm non hình thành động cơ TH để học tốt các học phần Tâm lí - Giáo dục

3.1. Xác định mục đích tự học. Để xác định mục đích TH một cách rõ ràng và phù hợp với mong muốn của bản thân, SV cần:

Bước 1: Xác định mục đích và nhu cầu học tập. Trong mục đích học tập của SV, có thể chia thành hai nhóm cơ bản, đó là: mục đích xuất phát từ hứng thú nhận thức và mục đích xuất phát từ trách nhiệm trong học tập. Mục đích xuất phát từ hứng thú nhận thức được hình thành và đến với người học một cách rất tự nhiên khi bài học có nội dung hấp dẫn, mới lạ và thú vị, trong bài học chứa đựng nhiều yếu tố kích thích, gợi trí tò mò. Mục đích này sẽ xuất hiện thường xuyên khi GV tích cực tổ chức các hoạt động nhận thức hay, kích thích tính tự giác, tích cực từ người học.

Bước 2: Lập kế hoạch học tập. Việc học và TH chỉ thực sự có hiệu quả khi mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch học tập được xây dựng cụ thể, rõ ràng và có tính định hướng cao sao cho phù hợp với điều kiện cá nhân. Trong những buổi học thông qua bài giảng, GV có thể hướng dẫn SV cách lập kế hoạch học tập bằng cách vạch ra mục tiêu, nội dung, thời gian thực hiện các nội dung học tập một cách cụ thể.

Bước 3: Thực hiện kế hoạch học tập. Việc thực hiện kế hoạch học tập thường bao gồm các giai đoạn như sau: - *Tiếp nhận và thu thập thông tin:* giai đoạn này chính là nhằm tập hợp, thu thập những thông tin liên quan đến vấn đề mà SV cần tìm hiểu; - *Xử lí thông tin:* việc xử lí thông tin thu thập được trong quá trình TH không bao giờ diễn ra trong vô thức mà cần có sự gia công xử lí thì những thông tin tìm kiếm được mới trở nên có giá trị và có thể sử dụng được; - *Trao đổi, chia sẻ thông tin:* Hoạt động này giúp SV phát triển được các KN như: trình bày, giao tiếp, hợp tác nhóm... hơn nữa, đây chính là quá trình “chính xác hóa” kết quả TH.

Để có thể thực hiện tốt được nội dung này, trong quá trình dạy học, GV cần hướng dẫn SV cách đọc sách và ghi chép cho khoa học. Một trong những yếu điểm của SV hiện nay đó là chưa biết cách đọc sách và ghi chép tài liệu cho hiệu quả. Vì vậy, trong mỗi giờ giảng, GV đều hướng dẫn SV làm thế nào để đọc sách và ghi chép tài liệu một cách hiệu quả bằng cách giao nhiệm vụ và kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của SV.

Ví dụ: Yêu cầu SV đọc *Chương 3: Quy luật phát triển tâm lí của trẻ em (Giáo trình Sự phát triển tâm lí trẻ em lứa tuổi mầm non - Nguyễn Thị Ánh Tuyết 2008, tr 49-73)*, từ đó trả lời yêu cầu sau: - Thế nào là sự phát triển; - Những yếu tố nào ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lí trẻ em; - Tìm những từ khóa thể hiện mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đó. Thông qua việc yêu cầu SV đọc sách và thực hiện nhiệm vụ, GV sẽ kiểm tra được năng lực đọc và tìm tài liệu của SV thông qua đó hướng dẫn SV thực hiện như thế nào cho hiệu quả nhất.

Bước 4: Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập. Tự kiểm tra, đánh giá giúp cho chủ thể kịp thời phát hiện ưu điểm hay thiếu sót, hạn chế và điều chỉnh hoạt động cho phù hợp với mục tiêu đề ra. Việc tự đánh giá, điều chỉnh kết quả học tập được thực hiện bằng nhiều hình thức như: dùng các thang đo mức độ đáp ứng yêu cầu mà GV đề xuất, các bảng kiểm tra việc tự đánh giá, điều chỉnh, sự đánh giá nhận xét của tập thể, thông qua thảo luận, so sánh với mục tiêu đặt ra ban đầu.

Việc hướng dẫn SV hiểu về quy trình TH và xác định được mục đích TH được thực hiện ngay ở tiết học đầu tiên của môn học. GV cần giới thiệu cho SV hiểu rõ vị trí, ý nghĩa của môn học, tầm quan trọng của nó, nội dung cơ bản sẽ được nghiên cứu, yêu cầu phương pháp học tập môn học. Trong phương pháp học tập bộ môn, GV cần nhấn mạnh vấn đề phát triển NLTH đối với người học, giúp các em xác định được mục đích học tập nói chung, TH nói riêng. Từ đó, hướng dẫn các em hiểu và lập quy trình TH cho bản thân trong đó nêu rõ mục đích hay mục tiêu học tập, lập kế hoạch TH, thực hiện kế hoạch TH đã lập ra và tự kiểm tra, đánh giá quá trình học tập của mình có đạt được so với mục đích ban đầu đặt ra hay không. Việc thực hiện quy trình TH này có thể thực hiện trong cả quá trình học tập, cũng có thể lập ra và thực hiện ngay trong một bài học.

Ví dụ, khi dạy học *Chương 1: Những vấn đề chung của Tâm lí học (thuộc môn Tâm lí học mầm non)*, GV có thể hướng dẫn HS xác định quy trình TH như sau (xem *bảng*).

Xác định mục đích và nhu cầu học tập	Lập kế hoạch TH	Thực hiện kế hoạch học tập	Tự kiểm tra, đánh giá
- Xác định được Tâm lí học là một khoa học. - Phân tích được bản chất, chức năng, phân loại các hiện tượng tâm lí. - Trình bày được hệ thống các phương pháp nghiên cứu tâm lí người.	- Đọc và tìm hiểu tài liệu học tập (trang 1- 17). - Đọc các nguồn tài liệu tham khảo có liên quan. - Khai thác thông tin, hình ảnh trên Internet - Tham khảo thầy cô, bạn bè.	- Trình bày những nội dung đã tìm hiểu. - Trả lời các câu hỏi mà bạn bè, GV đưa ra. - Ghi chép nội dung cần lưu ý.	- Căn cứ vào tiêu chí đã xây dựng ban đầu. - Căn cứ vào nhận xét của thầy cô, bạn bè. - Tự điều chỉnh nội dung cho phù hợp.

3.2. Tạo hứng thú TH môn học cho SV. Hứng thú là thái độ đặc biệt của cá nhân đối với một đối tượng nào đó vừa có ý nghĩa trong đời sống vừa có khả năng đem lại cho nó những khoái cảm [2; tr 60]. Như vậy, hứng thú có vai trò to lớn trong hoạt động nhận thức. Nó làm tăng hiệu quả của quá trình nhận thức, hứng thú làm nảy sinh khát vọng, lòng đam mê hoạt động và làm cho hoạt động mang tính chất sang tạo. Trong hoạt động học tập, hứng thú có vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng học tập, từ đó thúc đẩy nhu cầu TH để chiếm lĩnh tri thức ở người học. Theo đó, trong suốt quá trình dạy học GV gây hứng thú học tập cho SV thông qua các biện pháp sau: - Sử dụng đa dạng các phương pháp dạy học và kĩ thuật dạy học; - Tạo nên những yếu tố hấp dẫn cho bài giảng bằng cách lồng ghép những mẫu truyện, đoạn thơ, tình huống ngoài thực tế. Điều này giúp cho việc học không bị căng thẳng, SV vừa được học vừa được chơi và được thưởng thức.

Ví dụ trong *Chương 1: Những vấn đề chung của tâm lí học* (thuộc môn học *Tâm lí học mầm non*) thay vì cho SV nghiên cứu thế nào là đối tượng, phương pháp, nhiệm vụ, GV có thể kể cho SV nghe những câu chuyện tâm lí học thú vị (chẳng hạn: GV kể cho SV nghe câu chuyện về 2 em bé người sói Kamala và Amala), hoặc cùng SV thảo luận về ý nghĩa của ngành Tâm lí học đối với cuộc sống. Để thực hiện có hiệu quả nội dung này cần:

- *Phát huy sức mạnh lời nói của GV thông qua những lời động viên, khích lệ người học kịp thời.* Muốn khích lệ, động viên, GV phải biết nhu cầu thực của SV, xem các em cần gì, muốn gì để kịp thời có tác động phù hợp giúp đỡ SV. Khi nhu cầu được thỏa mãn chắc hẳn các em sẽ tìm thấy sự say mê và có hứng thú trong việc học. Bên cạnh những lời động viên khích lệ thì thái độ đúng mực, khách quan của GV khi đánh giá, nhận xét lúc các em phát biểu và giải

quyết vấn đề cũng làm cho hứng thú của SV phát triển bền vững và liên tục.

- *Ra các bài tập kích thích SV tìm tòi nghiên cứu.* Những bài tập hay, có yếu tố thực tiễn và gần gũi sẽ là những tình huống có vấn đề thúc đẩy SV tìm tòi, hứng thú. Quá trình giải quyết vấn đề vừa có tác dụng thúc đẩy nhu cầu cần tìm hiểu của người học vừa khuyến khích SV mở rộng thêm kiến thức ngoài sách giáo khoa, đây là một biện pháp rất hiệu quả trong việc phát triển NLTH cho SV.

Ví dụ: GV yêu cầu SV viết 1 bài báo để bàn về vấn đề: *“Có nên cho trẻ học trước chương trình lớp 1”*. Thông qua bài tập này, không những SV vừa phải tổng hợp kiến thức đã học vừa có cơ hội để đưa ra quan điểm chính kiến của mình. Hoặc GV có thể cho SV thảo luận trên lớp về vấn đề này bằng cách chia lớp thành 2 nhóm: *Nhóm 1:* Đưa ra những luận điểm đồng ý việc dạy trước cho trẻ vào lớp 1; *Nhóm 2:* đưa ra những luận điểm về việc không đồng ý dạy trẻ trước khi vào lớp 1. Việc tạo ra những tình huống “có vấn đề” ở trên lớp sẽ kích thích SV nêu ra quan điểm và chính kiến của mình. Tạo không khí học tập sôi nổi và hiệu quả. Từ đó tăng thêm lòng yêu thích môn học ở các em.

3.3. Hình thành ý chí TH cho SV. Ý chí là mặt năng động của ý thức, biểu hiện ở năng lực thực hiện những hành động có mục đích, đòi hỏi phải có sự nỗ lực, khắc phục khó khăn [3; tr 131]. Ý chí được xem là mặt năng động của ý thức, mặt biểu hiện cụ thể của ý thức trong thực tiễn bởi vì ở đó con người tự giác được mục đích của hành động, đấu tranh động cơ, lựa chọn được các biện pháp vượt qua mọi trở ngại, khó khăn để thực hiện đến cùng mục đích đề ra.

Các phẩm chất cơ bản của ý chí đó là: *tính mục đích* giúp SV có thể điều chỉnh hành vi hướng vào mục đích tự giác; *tính độc lập* cho phép SV có khả năng quyết định và thực hiện hành động theo những quan điểm và niềm tin của mình, không bị chi phối bởi những tác động bên ngoài; *tính quyết đoán* giúp người học có khả năng đưa ra những quyết định kịp thời, dứt khoát trên cơ sở tính toán, cân nhắc kĩ càng, chắc chắn; *tính bền bỉ* thể hiện ở sự khắc phục những khó khăn trở ngại, khách quan và chủ quan để đạt được mục đích đã đề ra; *tính tự chủ* là khả năng và thói quen kiểm tra hành vi để làm chủ bản thân, kìm hãm những hoạt động cho là không cần thiết hoặc có hại trong những trường hợp cụ thể.

Như vậy, những phẩm chất của ý chí đã nêu trên là rất quan trọng đối với việc phát triển NLTH cho SV, cho nên việc hình thành ý chí TH cho SV là một trong

những biện pháp cần thiết để tạo động cơ TH trong dạy học. GV cần hình thành cho SV niềm tin vào sức mạnh học tập của mình, rèn luyện cho SV tính kiên trì vượt khó khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Ví dụ: Sau khi dạy học bài “*Đặc điểm phát triển tâm lí của trẻ 2-3 tuổi*” (Môn *Tâm lí học Mầm non*), GV có thể yêu cầu SV: Tham quan thực tế tại một số trường mầm non trong khu vực hoặc quan sát trong khu vực sinh sống có những em nhỏ đang ở độ tuổi 2-3 tuổi; quan sát, tiếp xúc với phụ huynh và trẻ để nắm được đặc điểm tâm lí của trẻ giai đoạn này; tư vấn với phụ huynh các em nhỏ những phương pháp giáo dục nhằm giúp trẻ vượt qua giai đoạn “khủng hoảng tuổi lên ba”; ghi chép lại quá trình quan sát và báo cáo kết quả tư vấn thực hành trong vòng 2-3 tuần.

Như vậy, khi gặp một câu hỏi đòi hỏi cần vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống, người học sẽ đứng trước một nhiệm vụ khó khăn. Để giải quyết nhiệm vụ này, SV không những cần huy động kiến thức đã học để giải quyết bài học thực tế, mà còn phải có được cho mình một số KN như: giao tiếp, thuyết phục, quan sát. Qua đó, GV sẽ rèn luyện được cho SV niềm tin vào những kiến thức mình đã tìm hiểu, rèn luyện được tính kiên trì, bền bỉ vượt qua khó khăn. Kết quả đạt được sau 2-3 tuần thực hành sẽ giúp SV có được niềm tin vào nghề nghiệp và kiến thức mà mình có.

4. Kết luận

Việc hình thành NLTH cho SV là một vấn đề hết sức cấp thiết ở trường cao đẳng để làm nâng cao chất lượng dạy và học trong nhà trường. Để hình thành được năng lực này ở người học đòi hỏi rất nhiều yếu tố, mà một trong những yếu tố cốt lõi để hình thành được NLTH cho SV đó chính là hình thành ở các em động cơ TH. Điều này đòi hỏi sự cố gắng đổi mới phương pháp và nghệ thuật dạy học của GV và sự nỗ lực của SV. Nếu làm được như vậy, chúng tôi tin rằng bản thân mỗi SV sẽ trang bị được cho mình NLTH làm “hành trang” để chiếm lĩnh tri thức nhân loại. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Cảnh Toàn (chủ biên, 2009). *Tự học như thế nào cho tốt*. NXB TP. Hồ Chí Minh
- [2] Bùi Văn Huệ (1996). *Tâm lí học*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [3] Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên, 2008). *Giáo trình tâm lí học đại cương*. NXB Giáo dục.
- [4] Nguyễn Thị Thu Hà - Đào Lan Hương - Nguyễn Thị Hạnh Ngọc - Hà Duy Tá (2016). *Tài liệu học tập môn Tâm lí học mầm non*. NXB Giáo dục Việt Nam.

[5] Nguyễn Hiến Lê (2003). *Tự học - Một nhu cầu của thời đại*. NXB Văn hóa - Thông tin.

[6] Nguyễn Cảnh Toàn (2002). *Học và dạy cách học*. NXB Đại học Sư phạm.

[7] Nguyễn Thị Ánh Tuyết - Nguyễn Thị Như Mai (2008). *Giáo trình sự phát triển tâm lí trẻ em lứa tuổi mầm non*. NXB Giáo dục.

Phát triển năng lực khai thác...

(Tiếp theo trang 107)

phát triển vận động của trẻ theo độ tuổi, giáo viên có thể sắp xếp khoảng cách của các đồ vật xa hay gần, cao hay thấp để trẻ thực hiện đảm bảo an toàn. Luật chơi có thể thay đổi sau mỗi buổi chơi để tăng sự hấp dẫn của trò chơi.

4.4. Đối với vận động truyền: Sử dụng đồ chơi, đồ dùng sinh hoạt, đồ dùng học tập sẵn có trong lớp. Cách thức tổ chức: tùy vào độ tuổi, cô có thể lựa chọn số lượng đồ dùng, kích thước đồ dùng và cách chơi, luật chơi cho phù hợp.

TCVD là một trong những hoạt động thu hút được nhiều trẻ tham gia bởi tính hấp dẫn của nó. Trẻ mẫu giáo với đặc điểm tâm lí hiếu động, thích cái mới, cái hấp dẫn, ham chơi, vì vậy cần lựa chọn trò chơi phù hợp với đặc điểm tâm lí lứa tuổi, văn hoá vùng miền, giới tính để các em đều có thể tham gia trò chơi mạnh dạn, tự tin hơn. Bố trí thời gian tổ chức trò chơi hợp lí, vừa mức, biết dừng lại việc tổ chức trò chơi đúng lúc, thay đổi hình thức của trò chơi một cách linh hoạt, sáng tạo để tránh sự nhàm chán với các em, tránh việc quá chú trọng sự phân định thắng thua hoặc đánh giá việc tham gia chơi của các đội vì sẽ tạo nên sự ganh đua, gây mất đoàn kết; và đặc biệt là phải đảm bảo an toàn tuyệt đối trong khi tổ chức trò chơi. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Đào Thanh Âm (chủ biên, 2002). *Giáo dục học mầm non* (tập 1, 2, 3). NXB Đại học Sư phạm.
- [2] Phạm Thị Châu - Nguyễn Thị Oanh - Trần Thị Sinh (2002). *Giáo dục học mầm non*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [3] Lê Thu Hương - Lê Thị Ánh Tuyết (2007). *Hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục mầm non 3-36 tháng tuổi, 3-4 tuổi, 4-5 tuổi, 5-6 tuổi*. NXB Giáo dục.
- [4] Bộ GD-ĐT (2010). *Chương trình giáo dục mầm non*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [5] Hoàng Thị Dinh - Nguyễn Thị Hiền - Nguyễn Thị Bích Thảo - Nguyễn Thuỳ Dương (2016). *Các bài tập phát triển vận động và trò chơi vận động cho trẻ mẫu giáo* (theo Chương trình giáo dục mầm non). NXB Giáo dục Việt Nam.